

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 13 có các nội dung đáng chú ý sau:

- [Quyết định 18-QĐ/TW](#) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Thông tấn xã Việt Nam.
- [Luật sửa đổi Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp](#).
- Quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung.
- Văn bản dự thảo: Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Giải đáp pháp luật: Quy định về sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Theo [Quyết định số 18-QĐ/TW](#) ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị, từ ngày 01/4/2026, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) là đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

TTXVN là cơ quan thông tấn quốc gia, cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực đa phương tiện, đa ngôn ngữ của Đảng, Nhà nước; giữ vai trò nòng cốt trong công tác tư tưởng, văn hoá; thực hiện chức năng đảng, phát thông tin chính thức của Đảng, Nhà nước; cung cấp thông tin chuyên sâu, chiến lược phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; thông tin nguồn cho các cơ quan thông tin đại chúng; phổ biến thông tin chính thống tới công chúng và các đối tượng khác trong và ngoài nước; giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và trực tiếp tham gia đấu tranh bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thông tấn xã Việt Nam có tên viết tắt tiếng Việt là TTXVN; tên giao dịch quốc tế tiếng Anh là Vietnam News Agency, viết tắt là VNA.

Lãnh đạo TTXVN gồm Tổng Giám đốc và không quá 04 Phó

Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đứng đầu Thông tấn xã Việt Nam, đồng thời là Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương.

TTXVN có 22 đơn vị trực thuộc và hệ thống các cơ quan thường trú ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hệ thống các cơ quan thường trú ở nước ngoài. Các đơn vị trực thuộc là đơn vị cấp vụ còn các cơ quan thường trú ở trong nước và ở nước ngoài tương đương tổ chức cấp phòng. TTXVN có 02 doanh nghiệp trực thuộc là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ITAXA và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam (VINADATAXA).

Biên chế của TTXVN do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. TTXVN thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương xác định số lượng biên chế trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, bộ máy và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức.

TTXVN được thực hiện chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng chuyên gia và sử dụng cộng tác viên trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tính chất, đặc thù hoạt động báo chí và truyền thông đa nền tảng.

Về tài chính, tài sản, TTXVN là đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương; thực hiện quản lý tài chính, tài sản; quyết định, chịu trách

nhệm về các dự án đầu tư và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo quy định. Trong năm ngân sách 2026, Thông

tân xã Việt Nam tiếp tục thực hiện cơ chế quản lý tài chính, tài sản theo quy định hiện hành.

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

QUY ĐỊNH VỀ TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP AN NINH QUỐC GIA

Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp [số 119/2025/QH15](#) vào ngày 10/12/2025. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 với nhiều quy định mới đáng chú ý về Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia (Tổ hợp) do Nhà nước dẫn dắt, định hướng để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh quốc gia.

Tổ hợp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, trọng tâm là các nhóm sản phẩm, dịch vụ: sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an toàn, an ninh mạng; sản phẩm, dịch vụ công nghiệp dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn quốc gia; sản phẩm kỹ thuật nghiệp vụ, kỹ thuật hình sự, công cụ hỗ trợ, quân trang ngành công an; phương tiện tuần tra trên tuyến ven biển, tuyến sông; sản phẩm phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù

phục vụ an ninh sinh học; trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, công nghệ, dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; sản phẩm, dịch vụ khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền; làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi, chuyển giao, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại; huy động nguồn lực quốc gia phát triển công nghiệp an ninh; nghiên cứu, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ dân sinh, chuyển giao công nghệ phù hợp cho công nghiệp dân sinh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

Nhà nước có chính sách về giao nhiệm vụ, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu, hỗ trợ nguồn lực, hợp tác và đầu tư theo phương thức đối tác công tư để triển khai hoạt động của Tổ hợp; tạo điều kiện thúc đẩy liên doanh, liên kết, hợp tác giữa các thành phần của Tổ hợp; khuyến khích xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt để nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ sản xuất, chế tạo các sản phẩm công nghiệp an ninh; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng

khoa học, công nghệ; ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao cho Tổ hợp. Sản

phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh của Tổ hợp được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu thầu và của Luật này.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ NỢ CÔNG

[Nghị định số 84/2026/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 25/3/2026 là văn bản sửa đổi, bổ sung một số quy định trong các nghị định hiện hành liên quan đến quản lý nợ công, nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát rủi ro nợ.

Nghị định sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ. Trong đó, siết chặt điều kiện cấp bảo lãnh (đặc biệt với doanh nghiệp phải không lỗ trong 3 năm gần nhất, trừ trường hợp có xếp hạng tín nhiệm phù hợp), quy định rõ hơn về hạn mức bảo lãnh hằng năm gắn với kế hoạch vay, trả nợ công và tăng cường vai trò của Bộ Tài chính trong thẩm định, giám sát. Đồng thời, bổ sung quy trình xử lý các trường hợp sửa đổi nghĩa vụ bảo lãnh, quy định cụ thể trách nhiệm trả nợ, quản lý dòng tiền và kiểm tra tài chính đối với đối tượng được bảo lãnh.

Đối với quản lý nợ của chính quyền địa phương, Nghị định làm rõ phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc vay và trả nợ, đồng thời quy định cụ thể hơn về kế hoạch vay, trả nợ 5 năm và hằng năm. Việc vay phải nằm trong hạn mức và trần nợ theo quy

định của Luật Ngân sách nhà nước. Nghị định cũng bổ sung quy định về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (bao gồm trái phiếu xanh), nguồn trả nợ, cơ chế báo cáo, giám sát và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Về nghiệp vụ quản lý nợ công, Nghị định này nhấn mạnh việc xây dựng và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ công trung hạn và hằng năm; kiểm soát các chỉ tiêu an toàn nợ công; quản lý rủi ro danh mục nợ. Đồng thời, bổ sung cơ chế điều chỉnh hạn mức bảo lãnh khi tốc độ tăng dư nợ vượt tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng cường công khai, minh bạch thông tin nợ công và chế độ báo cáo định kỳ.

Đối với phát hành công cụ nợ của Chính phủ, Nghị định bổ sung quy định về phát hành trái phiếu Chính phủ xanh, trái phiếu quốc tế và yêu cầu nâng cao công tác đánh giá tín nhiệm quốc gia. Điều này nhằm đa dạng hóa nguồn vốn huy động và phù hợp với xu hướng tài chính bền vững.

Nghị định sửa đổi quy định về cho vay lại vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài. Nội dung tập trung vào xác định đối tượng vay lại, cơ chế phân bổ hạn mức vay lại, tỷ lệ cho vay lại đối với từng nhóm

đối tượng, cơ chế chia sẻ rủi ro tín dụng, yêu cầu về tài sản bảo đảm, cũng như quy trình thẩm định, ký kết và quản lý hợp đồng vay lại. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm của bên vay lại trong sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ đầy đủ.

Nghị định 84/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/3/2026.

QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Nghị định 85/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung, một cơ chế mang tính tự nguyện nhằm giúp người lao động có thêm nguồn thu nhập khi nghỉ hưu, bên cạnh bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nghị định áp dụng cho người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức liên quan đến việc quản lý, đầu tư và giám sát quỹ hưu trí bổ sung.

Một nội dung quan trọng của Nghị định là quy định về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung. Việc tham gia hoàn toàn tự nguyện, được thực hiện thông qua người sử dụng lao động và không được gán với điều kiện tuyển dụng hay chế độ thi đua, khen thưởng. Mức đóng do hai bên thỏa thuận. Người lao động có thể được hưởng quyền lợi từ phần đóng góp của người sử dụng lao động khi đáp ứng các điều kiện nhất định hoặc trong các trường hợp đặc biệt như tử vong, bệnh nặng, suy giảm khả năng lao động hoặc không còn cư trú tại Việt Nam.

Nghị định cũng quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Người sử dụng lao động

được hưởng ưu đãi thuế, được cung cấp thông tin về quỹ và có quyền điều chỉnh thỏa thuận với người lao động; đồng thời phải đảm bảo đóng góp đúng quy định và cung cấp thông tin đầy đủ. Người lao động có quyền theo dõi tài khoản, nhận chi trả, được ưu đãi thuế và bảo mật thông tin, nhưng cũng phải tự chịu trách nhiệm về quyết định tham gia và các rủi ro đầu tư vì Nhà nước không bảo đảm lợi nhuận của quỹ.

Quỹ được hình thành từ đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động và lợi nhuận đầu tư, được quản lý tách biệt với tài sản của doanh nghiệp quản lý quỹ. Các tổ chức cung cấp dịch vụ như ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản và đơn vị quản trị tài khoản phải đáp ứng điều kiện chặt chẽ và chịu trách nhiệm pháp lý đối với hoạt động của mình.

Mỗi người lao động có tài khoản riêng để ghi nhận đóng góp và kết quả đầu tư. Tài khoản này thuộc sở hữu của người tham gia nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố hoặc dùng để xử lý nợ. Người lao động có thể chuyển tài khoản giữa các quỹ hoặc tiếp tục duy trì sau khi nghỉ việc trong thời gian nhất định. Giá trị tài khoản được cập nhật định kỳ và là cơ sở để chi trả quyền lợi hưu trí.

Về đầu tư, quỹ hưu trí bổ sung được phép đầu tư vào các tài sản tương đối an toàn như trái phiếu Chính phủ, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và cổ phiếu niêm yết nhưng phải tuân thủ các giới hạn nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn.

Về chi trả, người lao động có thể nhận tiền hưu trí bổ sung theo nhiều hình thức như nhận một lần, nhận định kỳ hoặc kết hợp. Ngoài ra, Nghị định cũng quy định việc chi trả cho người thừa kế và hoàn trả phần đóng góp cho người sử dụng lao động nếu người lao động không đáp ứng điều kiện hưởng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 10/5/2026.

BẢO ĐẢM CƠ CẤU HỢP LÝ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Đây là mục tiêu được đề ra tại Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035”, được phê duyệt tại [Quyết định số 470/QĐ-TTg](#) ngày 24/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án đặt mục tiêu nâng cao tỷ lệ, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số (DTTS), bảo đảm cơ cấu hợp lý trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt tại các địa phương vùng đồng bào DTTS và miền núi; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời, việc phát triển đội ngũ cán bộ người DTTS được gắn với mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững thông qua phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ tại cơ sở.

Đề án xác định lộ trình phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030 đạt 80% và giai đoạn 2030 - 2035 đạt 100% các chỉ tiêu sau: Cấp tỉnh, tỷ lệ cán bộ người DTTS được xác định theo tỷ lệ dân số từng địa phương, dao động từ 3% đến 20% tổng biên chế được giao. Cấp xã, tỷ lệ này từ 5% đến 50% tùy theo cơ cấu dân cư.

Tỷ lệ tối thiểu người lao động là người dân tộc tại các cơ quan, đơn vị này được tính trên tổng số biên chế được giao. Về cơ cấu cán bộ người DTTS trong các vị trí lãnh đạo, quản lý, bảo đảm cơ cấu cán bộ người DTTS tương ứng với tỷ lệ người DTTS trong tổng dân số của tỉnh; phù hợp với cơ cấu của các thành phần DTTS ở địa phương; bảo đảm cơ cấu hợp lý cán bộ người DTTS giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp. Cơ cấu cán bộ nữ người DTTS tối thiểu là 20% trong tổng số tỷ lệ tối thiểu cán bộ người DTTS.

Về chất lượng cán bộ người DTTS, phấn đấu từ năm 2026 - 2030 đạt 80% và từ năm 2030 - 2035 đạt 100% số cán bộ người DTTS được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kỹ năng số và phương thức quản lý hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng DTTS, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm theo quy định.

THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký [Quyết định số 463/QĐ-TTg](#) ngày 22/3/2026, ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”.

Phong trào được triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030 và chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn 1 (2026 - 11/6/2028); Giai đoạn 2 (từ tháng 7/2028 đến hết năm 2030).

Kế hoạch đề ra mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10%/năm trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt khoảng 8,5%/năm, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP; gần 2 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày; ít nhất 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 10-12%/năm, đóng góp khoảng 55-58% GDP, khoảng 35-40% tổng thu ngân sách, giải quyết việc làm cho khoảng 84-85% tổng số lao động; có 50 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á và 01 - 03 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; có ít nhất 03 ngân hàng thương mại nhà nước thuộc nhóm 100 ngân hàng lớn nhất khu vực châu Á về tổng tài sản.

Xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn,

phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ mới nổi.

Các bộ, ban, ngành, địa phương chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại; hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế; đổi mới môi trường kinh doanh; số hóa, xanh hóa, thông minh hóa, tự động hóa, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực và toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu phát triển...

Các doanh nghiệp cần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghệ mới nổi; đổi mới phương thức đánh giá và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp gắn với quản trị doanh nghiệp...

TĂNG CƯỜNG THỰC THI TIẾT KIỆM ĐIỆN VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ

Ngày 30/3/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành [Chỉ thị số 10/CT-TTg](#) về việc tăng cường thực thi tiết kiệm điện và phát triển điện mặt trời mái nhà nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Trong bối cảnh nhu cầu điện tăng cao phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 và thị trường năng lượng quốc tế có nhiều

biến động, Chỉ thị nhấn mạnh nguy cơ mất cân đối cung - cầu điện, đặc biệt trong giai đoạn 2026 - 2028. Vì vậy, việc triển khai đồng bộ các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và phát triển nguồn điện tại chỗ được xác định là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược.

Chỉ thị đề ra các mục tiêu cụ thể cho năm 2026 như tiết kiệm tối thiểu 3% tổng điện năng tiêu thụ toàn quốc, riêng các tháng cao điểm nắng nóng phải tiết kiệm ít nhất 10%. Đồng thời, phấn đấu giảm tối thiểu 3.000 MW công suất phụ tải vào giờ cao điểm, giảm tổn thất điện năng xuống dưới 6%; khuyến khích mạnh mẽ việc phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu thụ, kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng, với mục tiêu mỗi năm có khoảng 10% cơ quan công sở và hộ gia đình tham gia hoặc đạt 20% công suất

theo kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030.

Về giải pháp thực hiện, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, triển khai các chương trình quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải và tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức. Các giải pháp tiết kiệm điện được quy định chi tiết cho từng đối tượng, bao gồm cơ quan công sở, hệ thống chiếu sáng công cộng, hộ gia đình, cơ sở dịch vụ thương mại và doanh nghiệp sản xuất. Chỉ thị nhấn mạnh việc sử dụng thiết bị hiệu suất cao, ứng dụng công nghệ, điều chỉnh thời gian sử dụng điện và huy động nguồn điện dự phòng khi cần thiết.

Các cơ quan báo chí có trách nhiệm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về sử dụng điện tiết kiệm và phát triển năng lượng tái tạo.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

PHÂN CẤP THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

[Thông tư số 31/2026/TT-BTC](#) của Bộ Tài chính quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 27/3/2026.

Các nguyên tắc phân cấp được xác định trong Thông tư nhằm bảo đảm quản lý thống nhất nhưng vẫn phù hợp với năng lực của từng đơn vị, tuân thủ quy định pháp luật, đồng

thời hướng tới đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm trung gian, tăng tính chủ động và trách nhiệm của các đơn vị được phân cấp. Các đơn vị này không được phân cấp lại nhiệm vụ đã được giao, phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, cũng như kịp thời đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

Thông tư quy định chi tiết việc phân cấp trong nhiều lĩnh vực quản lý như: Kinh doanh bảo hiểm, dự trữ nhà nước, đầu tư ra nước ngoài, thống kê, giá, kế toán, kiểm toán, quản lý nợ công, phát triển doanh

nghiệp, đấu thầu, tài sản công, thuế - phí - lệ phí, chứng khoán và kho bạc nhà nước. Trong mỗi lĩnh vực, các cục, đơn vị chuyên môn được giao thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như: cấp, điều chỉnh giấy phép; thẩm định, kiểm tra; công bố thông tin; giám sát hoạt động; ban hành kế hoạch hoặc quy trình nghiệp vụ... Việc phân cấp này giúp các đơn vị trực tiếp xử lý công việc nhanh hơn, phù hợp với chức năng chuyên môn.

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐỐI VỚI DỊCH VỤ TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

[Thông tư số 02/2026/TT-BVHTTDL](#) được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 16/3/2026, quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tổ chức chương trình văn hóa nghệ thuật và các hoạt động giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch. Các hoạt động này hướng tới phục vụ đồng bào sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, bao gồm cả khu vực xã đảo và đặc khu.

Đối tượng áp dụng Thông tư là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai các dịch vụ này.

Định mức kinh tế - kỹ thuật là mức tối đa về hao phí cần thiết để hoàn thành dịch vụ công, bao gồm hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật liệu. Trong đó, việc xác định nhân công dựa trên các quy định về chức danh nghề nghiệp trong ngành văn hóa, hoặc áp dụng các

quy định chung của Nhà nước khi không có chức danh tương ứng.

Nội dung định mức được cấu thành từ ba yếu tố chính: hao phí nhân công (tính theo ngày công lao động), hao phí máy móc, thiết bị (tính theo ca sử dụng) và hao phí vật liệu (tính theo số lượng cụ thể). Ngoài ra, định mức còn bao gồm các chi phí gián tiếp và vật liệu phụ theo tỷ lệ nhất định. Kết cấu của định mức gồm tên định mức, mô tả công việc, bảng định mức chi tiết và các ghi chú hướng dẫn áp dụng trong những điều kiện khác nhau.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/5/2026.

HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI GIAO DỊCH, CHUYỂN NHƯỢNG, KINH DOANH TÀI SẢN MÃ HÓA

Ngày 27/3/2026, Bộ Tài chính ban hành [Thông tư số 32/2026/TT-BTC](#) hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam (Nghị quyết số 05).

Theo quy định tại Thông tư, việc chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế

suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Thu nhập chịu thuế được xác định bằng giá bán tài sản mã hóa trừ đi giá mua của tài sản mã hóa chuyển nhượng và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng có hóa đơn, chứng từ. Doanh nghiệp là tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05 có thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập

doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần.

Về thuế thu nhập cá nhân, nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân cư trú hay không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 0,1 % trên giá chuyển nhượng từng lần.

Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với chuyển nhượng tài sản mã hóa thực hiện như quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân về thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với chuyển nhượng chứng khoán và pháp luật về tài sản mã hóa.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27/3/2026.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân gồm 7 chương và 70 điều, xác định thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú và không cư trú.

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập. Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Dự thảo quy định các khoản thu nhập phải chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ kinh doanh; tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công mà người lao động nhận được từ người sử dụng lao động; tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân chi trả... thu nhập từ vốn đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng và các thu nhập khác....

Các trường hợp được miễn thuế, giảm thuế thu nhập cá nhân gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở duy nhất của cá nhân; thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất; tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép...

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỊNH DANH, XÁC THỰC, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Dự thảo Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá do Bộ Công an soạn thảo gồm 8 chương và 40 điều.

Dự thảo Nghị định này quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; nguyên tắc tổ chức, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Nghị định này được ban hành sẽ áp dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý nhà nước

về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá. Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, gia công, kinh doanh, phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, lưu kho sản phẩm, hàng hoá cũng thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định này. Nghị định cũng áp dụng với tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đối với sản phẩm, hàng hoá; tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng thông tin trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Bộ Công an là đơn vị chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng quy trình hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ, kết nối giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; bảo đảm an ninh mạng, phòng chống gian lận, giả mạo, tội phạm công nghệ cao liên quan đến hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá...

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Cá nhân gửi dữ liệu vi phạm hành chính từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cho cơ quan chức năng thông qua những hình thức nào?

Trả lời: [Nghị định 61/2026/NĐ-CP](#) ngày 13/02/2026 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01/4/2026.

Theo [khoản 1, Điều 16](#) Nghị định 61/2026/NĐ-CP quy định dữ liệu do cá nhân, tổ chức thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cung cấp cho cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp đến trụ sở cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền hoặc hiện trường xảy ra vụ việc để cung cấp hoặc địa điểm khác do người có thẩm quyền quyết định;

- Thư điện tử, công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và ứng dụng khác trên thiết bị di động, số điện thoại đường dây nóng được công bố chính thức;

- Dịch vụ bưu chính;

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu qua nền tảng số hoặc hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: Cơ quan nào có quyền tiếp nhận dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt?

Trả lời: Theo [khoản 1, Điều 18](#) Nghị định 61/2026/NĐ-CP, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt gồm: Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Thanh tra Công an nhân dân, Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Hỏi: Người cung cấp thông tin, dữ liệu vi phạm hành chính có được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân không?

Trả lời: [Điểm b khoản 2](#) Điều 16 Nghị định 61/2026/NĐ-CP quy định cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu có quyền được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Theo [khoản 3, Điều 19](#) Nghị định 61/2026/NĐ-CP, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm bí mật các thông tin của cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu quy định ở trên và cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

4. Hỏi: Dữ liệu về vi phạm hành chính của cá nhân cung cấp sau khi được tiếp nhận, thu thập sẽ được xử lý như thế nào?

Trả lời: Cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xử lý dữ liệu tiếp nhận, thu thập được theo quy định tại [khoản 3 Điều 20](#) Nghị định 61/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Dữ liệu thuộc thẩm quyền xử lý thì tiến hành thủ tục xác minh theo quy định tại Điều 21 Nghị định này;

- Dữ liệu không thuộc thẩm quyền xử lý thì chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện việc xác minh, xử lý theo quy định;

- Kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật quy định tại [Điều 22](#) Nghị định này thì không phải thực hiện việc xác minh; việc xử lý thực hiện theo quy định tại [Điều 15](#) Nghị định này./.